

UBND XÃ SÌ LỖ LẦU
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 133/TTr-PKT

Sì Lở Lầu, ngày 15 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch liên kết thực hiện Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trồng thâm canh cây mía tại các bản trên địa bàn xã Sỉ Lở Lầu thực hiện Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2026

Kính gửi: UBND xã Sỉ Lở Lầu.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2030; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 112/2025/TT-BTC ngày 28/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 24/6/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 111/2024/NQ15 về một số cơ chế chính sách đặc thù thực hiện các chương trình Mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn một số giống cây trồng vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành quy định mức chi hỗ trợ ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 3789/UBND-KTN ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định 220/QĐ-UBND ngày 25/03/2026 của UBND xã Sì Lở Lầu về việc chuyển nguồn kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 558a/KH-UBND ngày 25/03/2026 của UBND xã Sì Lở Lầu về việc Thực hiện Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trồng thâm canh cây mía tại các bản trên địa bàn xã Sì Lở Lầu thực hiện Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế và phát triển các mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2026;

Căn cứ vào Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của Chủ tịch UBND xã Sì Lở Lầu về việc Thành lập Tổ thẩm định Hồ sơ Dự án, phương án sản xuất, dịch vụ thuộc Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và Miền núi; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2026 trên địa bàn xã Sì Lở Lầu;

Căn cứ danh sách đăng ký của các bản Hoang Thèn, Sín Chải xã Sì Lở Lầu;

Căn cứ vào biên bản họp thẩm định ngày 15/4/2026 của Tổ thẩm định các chương trình MTQG xã Sì Lở Lầu;

Phòng kinh tế kính trình UBND xã Sì Lở Lầu phê duyệt Kế hoạch liên kết thực hiện Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trồng thâm canh cây mía tại các bản trên địa bàn xã Sì Lở Lầu thực hiện Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2026; như sau:

1. Tên Kế hoạch liên kết: Kế hoạch liên kết thực hiện Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trồng thâm canh cây mía tại các bản trên địa bàn xã Sì Lở Lầu thực hiện Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2026.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Sì Lở Lầu.

3. Các bên tham gia liên kết

- Đơn vị chủ trì liên kết: Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Đồng Tiến Lai Châu.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Cung Thanh Phong.

+ Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ: Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.

+ Giấy đăng ký kinh doanh số 6200075564, ngày cấp lần đầu 24/02/2014, cấp lần thay đổi gần nhất 05/8/2025.

- Điện thoại: 0396.047.341.

- Mã số thuế: 6200075564.

- Nhóm hộ, hộ dân tham gia liên kết: 01 Nhóm hộ (Bản Hoang Thèn và Bản Mới thành 01 Nhóm hộ).

4. Quy mô, địa bàn thực hiện liên kết, thời gian thực hiện liên kết

- Quy mô, địa điểm thực hiện: Bản Hoang Thèn 10 hộ/5,5 ha và Bản Sín Chải 01 hộ/2,65 ha.

- Thời gian triển khai: Từ năm 2026 - 2028.

5. Nội dung của Kế hoạch liên kết

5.1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: Cây Mía.

5.2. Thực hiện trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng Công văn số 3789/UBND-KTN ngày 20/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

5.3. Hình thức liên kết: Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

5.4. Các nội dung hỗ trợ

a. Hỗ trợ giống, vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

- Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án liên kết trong năm 2026. Năm 2027, 2028 người dân đối ứng 100% kinh phí để duy trì liên kết đảm bảo trong 03 năm, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

+ Năm 2026: Hỗ trợ cho nhân dân chi phí mua giống 100% và Hỗ trợ 80% chi phí mua Phân Đạm, phân Supe lân, phân Kaly Clorua, phân hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật.

+ Năm 2027: Người dân đối ứng 100%.

+ Năm 2028: Người dân đối ứng 100%.

- Định mức giống và phân bón đã quy đổi trên 1 ha cho cây Mía phân đạm Urê 650 kg, 930 kg supe lân, 430 kg Kali clorua, 2.000 kg phân hữu cơ vi sinh, 500 kg vôi bột, 2.000 kg thuốc BVTV 2 triệu đồng trên 1 ha. (Theo Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh Lai Châu quy



định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu).

b. Chi phí quản lý: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí quản lý năm 2026.

5.5. Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện là 1.486.535.100 đồng. Trong đó: Ngân sách nhà nước hỗ trợ là 604.949.360 đồng. Đảm bảo định mức hỗ trợ của Nhà nước tại Điều 3, Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh và tiểu mục a, Khoản 5, Mục 12, Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

TT	Nội dung hỗ trợ	Nhà nước hỗ trợ (đồng)				Ghi chú
		Tổng NSNN	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	
	Tổng cộng	604.949.360	604.949.360	0	0	
1	Giống, vật tư, phân bón, thuốc BVTV	598.149.360	598.149.360	0	0	
2	Chi quản lý, khác	6.800.000	6.800.000	0	0	

- Kinh phí nhân dân đóng góp là 879.055.740.000 đồng.

- Kinh phí đơn vị chủ trì liên kết đóng góp là 2.530.000 đồng.

(Có biểu dự toán kèm theo)

5.6. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết

a. Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Đồng Tiến Lai Châu

- Cung ứng giống, vật tư phân bón, thuốc BVTV năm 2026 theo dự toán được duyệt và theo quy định hiện hành, đền bù toàn bộ kinh phí về giống, phân bón nếu không đảm bảo chất lượng.

- Tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật.

- Thu mua toàn bộ sản phẩm cho các nhóm hộ, hộ nông dân theo quy định tại các Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đã ký kết.

b. Nhóm hộ, người dân tham gia liên kết

- Đối ứng số lượng phân bón, thuốc BVTV còn lại trong các năm 2026, 2027 đảm bảo theo định mức kinh tế - kỹ thuật được UBND tỉnh Lai Châu ban hành (theo Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh Lai Châu quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu).

- Sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật được tập huấn, hướng dẫn.

- Bán toàn bộ sản phẩm thu hoạch được cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Đồng Tiến Lai Châu tại Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đã ký kết.



6. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bằng bảo dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026.

7. Hình thức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí cho đơn vị chủ trì liên kết sau khi đơn vị chủ trì liên kết cung ứng giống, vật tư phân bón, thuốc BVTV cho người dân và hoàn thiện các chứng từ, thủ tục theo quy định hiện hành với số tiền 598.149.360 đồng. (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi đồng), hỗ trợ tiền giống, vật tư phân bón, thuốc BVTV. Hỗ trợ cho chủ đầu tư - Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Sĩ Lữ Lâu số tiền là 6.800.000 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu tám trăm nghìn đồng), chi phí quản lý.

8. Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất: Đơn vị chủ trì liên kết tự tổ chức mua sắm và cấp phát giống, vật tư phân bón, thuốc BVTV... cho các hộ tham gia liên kết theo quy định hiện hành và dưới sự giám sát của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

9. Phương án tài chính xử lý rủi ro: Đơn vị chủ trì liên kết Báo cáo chủ đầu tư để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, thành lập hội đồng, kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ rủi ro để xem xét đánh giá theo quy định.

Vậy phòng Kinh tế xã Sĩ Lữ Lâu lập tờ trình, kính trình UBND xã Sĩ Lữ Lâu xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND xã (b/c);
- Lưu: VT, KT

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Cảnh Đức

Biểu 01: Dự toán kinh phí đề xuất thực hiện Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trong thâm canh cây mía tại các bản trên địa bàn xã Sỉ Lờ Lầu thực hiện Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2026

(Kèm theo Tờ trình số 33/TTr-PKT ngày 15/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Sỉ Lờ Lầu)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Qui mô (ha)	Định mức	Số lượng	Đơn giá (đ)	Tổng kinh phí (đ)	Nhà nước hỗ trợ (tối đa 80%)			Chi phí đối ứng (tối thiểu 20%)		Ghi chú	
								Tổng (đ)	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Nhân dân đối ứng		Đối ứng của đơn vị chủ trì dự án
	Tổng cộng	Ha					1.486.535.100	604.949.360	604.949.360	0	0	879.055.740	2.530.000	
	Kinh phí giống vật tư phân bón						1.477.205.100	598.149.360	598.149.360	0	0	879.055.740	-	
I	Năm 2026						697.061.700	598.149.360	598.149.360			98.912.340		
1	Giống Mía (đường)	Kg	8,10	10.000	81.000	3.500	283.500.000	283.500.000	283.500.000			-		Hỗ trợ 100%
2	Vật tư phân bón						413.561.700	314.649.360	314.649.360			98.912.340		
-	Phân Đạm Ure (N nguyên chất 300kg)	Kg	8,10	650	5.265,0	21.500	113.197.500	90.558.000	90.558.000			22.639.500		Hỗ trợ 80%
-	Phân Supe Lân (P2O5 nguyên chất 150kg)	Kg	8,10	930	7.533,0	10.200	76.836.600	61.469.280	61.469.280			15.367.320		Hỗ trợ 80%
-	Phân Kali Clorua (K2O nguyên chất 260 kg)	Kg	8,10	430	3.483,0	17.200	59.907.600	47.926.080	47.926.080			11.981.520		Hỗ trợ 80%
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	8,10	2.000	16.200,0	7.600	123.120.000	98.496.000	98.496.000			24.624.000		Hỗ trợ 80%
-	Vôi bột	Kg	8,10	500	4.050,0	6.000	24.300.000	0				24.300.000		Dân đối ứng 100%
-	Thuốc BVTV (Tiginon 5GR gói 1 kg), Hoạt chất: Nereistoxin 5% w/w; Phụ gia và chất mang đủ 95% w/w	1000đ	8,10	2.000	324,0	50.000	16.200.000	16.200.000	16.200.000			0		Hỗ trợ 100%
II	Năm 2027						389.261.700	-	-	-		389.261.700		
-	Phân Đạm Ure (N nguyên chất 300kg)	Kg	8,10	650	5.265	21.500	113.197.500	-	-	-		113.197.500		Dân đối ứng 100%
-	Phân Supe Lân (P2O5 nguyên chất 150kg)	Kg	8,10	930	7.533	10.200	76.836.600	-	-	-		76.836.600		Dân đối ứng 100%
-	Phân Kali Clorua (K2O nguyên chất 260 kg)	Kg	8,10	430	3.483	17.200	59.907.600	-	-	-		59.907.600		Dân đối ứng 100%
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	8,10	2.000	16.200	7.600	123.120.000	-	-	-		123.120.000		Dân đối ứng 100%
-	Thuốc BVTV (Tiginon 5GR gói 1 kg), Hoạt chất: Nereistoxin 5% w/w; Phụ gia và chất mang đủ 95% w/w	1000đ	8,10	2.000	324	50.000	16.200.000	-	-	-		16.200.000		Dân đối ứng 100%
III	Năm 2028						390.881.700	-	-	-		390.881.700		
	Phân Đạm Ure (N nguyên chất 300kg)	Kg	8,10	650	5.265	21.500	113.197.500	-	-	-		113.197.500		Dân đối ứng 100%
	Phân Supe Lân (P2O5 nguyên chất 150kg)	Kg	8,10	930	7.533	10.200	76.836.600	-	-	-		76.836.600		Dân đối ứng 100%
	Phân Kali Clorua (K2O nguyên chất 260 kg)	Kg	8,10	430	3.483	17.200	59.907.600	-	-	-		59.907.600		Dân đối ứng 100%

Biểu 02: Hiệu quả kinh tế liên kết

(Kèm theo Tờ trình số 133/TTr-PKT ngày 15/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Sì Lờ Lầu)



STT	Loại cây trồng	ĐVT	Quy mô	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Chi phí Giống, vật tư, phân bón, TVBT		8,1			1.477.205.100	
1	Năm thứ nhất (2026)					697.061.700	
2	Năm thứ 2 (năm 2027)					389.261.700	
3	Năm thứ 3 (2028)					390.881.700	
II	Thu nhập					2.508.975.000	
1	Bán Mía năm thứ 1 (2026)	Kg	8,10	769.500	1.050	807.975.000	Trung bình 95 tấn/ha
2	Bán Mía năm thứ 2 (2027)	Kg	8,10	810.000	1.050	850.500.000	Trung bình 100 tấn/ha
3	Bán Mía năm thứ 3 (2028)	Kg	8,10	810.000	1.050	850.500.000	Trung bình 100 tấn/ha
III	Lãi (II-I)					1.031.769.900	

Biểu 03: Danh sách các hộ tham gia Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trồng thâm canh cây mía tại các bản trên địa bàn xã Sì Lở Lầu thực hiện Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2026

(Kèm theo Tờ trình số 133/TTr-PKT ngày 15/4/2026 của Phòng Kinh tế xã Sì Lở Lầu)

Stt	Họ tên	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Ghi chú
	Tổng cộng		8,1	
1	Lù Dì Xá	Bản Hoang Thèn	0,5	5,5
2	Cồ Khờ De	Bản Hoang Thèn	0,6	
3	Phu Mờ Mè	Bản Hoang Thèn	0,35	
4	Cồ A Sa	Bản Hoang Thèn	0,7	
5	Lý Giá Dì	Bản Hoang Thèn	0,7	
6	Suy A Che	Bản Hoang Thèn	0,4	
7	Phu A Luy	Bản Hoang Thèn	0,45	
8	Phu A Hờ	Bản Hoang Thèn	0,2	
9	Lý A Sô	Bản Hoang Thèn	0,8	
10	Ly Xá Dừ	Bản Hoang Thèn	0,75	
11	Chang Khờ Tu	Bản Sín Chải	2,65	